

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 166/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP T3**; địa chỉ: **Tòa nhà T, số E L, phường C, thành phố Hà Nội**;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông **Mai Ngọc T** – Chức vụ: Chuyên viên chính Bộ phận quản lý và xử lý tài sản đảm bảo – Trung tâm xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp 1, theo Giấy ủy quyền số 163/2025/GUQ-TPB.LC ngày 05/3/2025 của ông **Đỗ Tuấn T1** - Chức vụ: Quyền giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp kiêm Trưởng phòng xử lý nợ- Khối pháp chế và xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp - **Ngân hàng TMCP T3**.

- Bị đơn: Bà **Trương Thị Hà D**, sinh năm 1990; nơi thường trú: **tổ E, khu A, phường B, tỉnh Quảng Ninh**.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Công ty cổ phần Đ**; địa chỉ: **khu đô thị C, - H, phường C, tỉnh Quảng Ninh**;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : bà **Nguyễn Thị Minh T2** – Chức vụ: Trưởng phòng Pháp chế, theo Giấy uỷ quyền số 09/2025 của ông **Trần Tuấn V** – Chức vụ: Tổng giám đốc, **Công ty cổ phần Đ**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nghĩa vụ trả nợ:

Theo Hợp đồng tín dụng số 12/2022/HDTD/QNH ngày 07/01/2022 (Khế ước giải ngân và nhận nợ số 12/2022/GNN/QNH ngày 17/01/2022) và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng **T4** kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 20/01/2022; tính đến ngày 17/3/2026, bị đơn bà **Trương Thị Hà D** phải trả cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T3** số tiền là 2.224.029.987đ (*Hai tỷ, hai trăm hai mươi bốn triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi bảy đồng*). Trong đó: nợ gốc là 1.687.000.000đ

(Một tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu đồng) và nợ lãi gồm: lãi trong hạn là 439.466.548đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng); nợ lãi quá hạn là: 45.932.552đ (Bốn mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm năm mươi hai đồng); nợ lãi chậm trả là: 49.976.543đ (Bốn mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng); nợ thế tín dụng là: 1.654.335đ (Một triệu, sáu trăm năm mươi tư nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng).

2.2. Về phương án thanh toán:

Bà **Trương Thị Hà D** phải trả cho **Ngân hàng TMCP T3** số nợ gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) trước ngày 25/5/2026; chậm nhất đến ngày 25/6/2026 bà **D** phải tất toán toàn bộ phần dư nợ còn lại cho **Ngân hàng TMCP T3**, bao gồm số tiền nợ gốc là 1.667.000.000đ (Một tỷ, sáu trăm sáu mươi bảy triệu đồng) và số nợ lãi phát sinh là 537.029.978đ (Năm trăm ba mươi bảy triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày 17/3/2026, bị đơn bà **Trương Thị Hà D** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền nợ lãi, lãi chậm trả của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 12/2022/HDTD/QNH/01 ngày 07/01/2022 và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng **T4** kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 20/01/2022 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với **Ngân hàng TMCP T3**.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bị đơn bà **Trương Thị Hà D** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T3** có quyền xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của Bị đơn theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 12/2022/HDBD/QNH/01 ngày 07/01/2022, để thanh toán toàn bộ dư nợ.

2.4. Về chi phí tố tụng: **Ngân hàng TMCP T3** tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp và đã nộp đủ số tiền 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

2.5 Về án phí: bà **Trương Thị Hà D** phải chịu 38.240.300đ (Ba mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T3** số tiền 37.354.613đ (Ba mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm mười ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0002406 ngày 09/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 1- QN;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh QN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Thúy

